

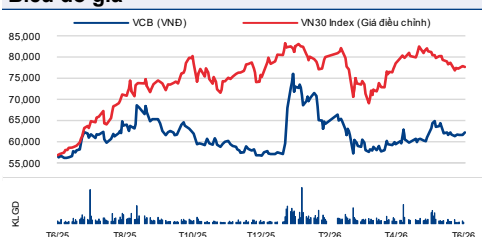
Mua vào

Giá mục tiêu: VND75,600
Tiềm năng tăng/giảm: 21.5%

Giá cổ phiếu (đồng) (17/6/2026)	62,200
Mã Bloomberg	VCB VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	55,994-76,000
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	61,867
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	519,724
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	19,744
Slg CP lưu hành (tr.đv)	8,356
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	2,507
Slg CP NN được mua (tr.đv)	818
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	30.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	20.2%
Tỷ lệ freefloat	6.64%
Cổ đông lớn	NHNN Việt Nam (74.8%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-25A	12-26F	12-27F
Tổng tài sản (ntđ)	2,442	2,837	3,050
Dư nợ cho vay (ntđ)	1,674	1,909	2,216
Tổng thu nhập HD (ntđ)	72.4	86.7	100.0
Lợi nhuận thuần (ntđ)	35.2	39.6	46.2
BVPS (đồng)	27,223	33,213	37,166
EPS (đồng)	4,210	4,594	5,187
DPS (đồng)	450	484	820
T.trưởng cho vay KH (%)	15.5	14.1	16.1
T.trưởng thu nhập HD (%)	5.51	19.8	15.3
Tăng trưởng EPS (%)	3.98	9.12	12.9
Tăng trưởng DPS (%)	nm	7.61	69.2
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	10.7	10.5	15.8
ROAE (%)	16.5	15.2	14.7
ROAA (%)	1.55	1.50	1.57
Tỷ lệ NIM (%)	2.63	2.77	2.88
Tỷ lệ CIR (%)	34.8	34.0	33.7
Hệ số CAR (%)	11.3	12.5	12.4
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.58	0.90	0.90
LLR/nợ xấu (%)	259	214	203
Hệ số LDR (%)	100	101	99.1
P/B (lần)	2.28	1.87	1.67
P/E (lần)	14.8	13.5	12.0
Lợi suất cổ tức (%)	0.72	0.78	1.32

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

VCB là ngân hàng lớn thứ 4 tại Việt Nam xét trên quy mô tài sản và dư nợ. VCB là ngân hàng có lợi thế về chi phí vốn, quản trị rủi ro thận trọng và chất lượng tài sản hàng đầu.

Chuyên viên phân tích

Nguyễn Thanh Tùng, CFA

Trưởng phòng, Ngành Dịch Vụ Tài Chính
tung.nguyenthanh@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4869

Phạm Liên Hà, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành DV Tài Chính
ha.plien@hsc.com.vn
+84 24 3933 4693 Ext. 4852

Những thông tin chính tại EV26: Huy động cải thiện, khẩu vị thận trọng

- Tăng trưởng tín dụng nhìn chung đi ngang kể từ Q1 ở mức khoảng 4,8% kể từ đầu năm, hoàn thành gần một nửa kế hoạch nội bộ thận trọng là 10% (thấp hơn hạn mức được cấp 13%). Tính đến cuối tháng 5, huy động cải thiện lên khoảng 3% kể từ đầu năm sau khi tăng 0,6% kể từ đầu năm trong Q1/2026.
- Tỷ lệ NIM được kỳ vọng duy trì ổn định ở mức khoảng 2,9% trong cả năm. Áp lực lên chất lượng tài sản có vẻ vẫn trong tầm kiểm soát ở giai đoạn này.
- Kế hoạch tăng trưởng LNTT vẫn khiêm tốn ở mức khoảng 5%, chủ yếu do lập trường trích lập dự phòng thận trọng của VCB.
- Nhìn chung, quan điểm của VCB tương đồng với quan điểm của chúng tôi ngay cả khi kế hoạch lợi nhuận thận trọng. HSC giữ nguyên khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

Sự kiện: Hội nghị Emerging Vietnam 2026 của HSC

VCB đã tham dự hội nghị Emerging Vietnam do HSC tổ chức vào ngày 10-12/6/2026 với một số thông tin chính như sau:

Tình hình huy động cải thiện trong những tháng gần đây

Tăng trưởng tín dụng nhìn chung đi ngang trong tháng 4-5, ở mức khoảng 4,8% kể từ đầu năm. VCB kỳ vọng nhu cầu tín dụng sẽ phục hồi trong nửa cuối năm 2026 nhưng nhấn mạnh rằng Ngân hàng sẽ ưu tiên chất lượng tài sản thay vì tăng trưởng cho vay. VCB đặt kế hoạch tăng trưởng tín dụng nội bộ cho cả năm chỉ ở mức 10%, thấp hơn hạn mức ban đầu của NHNN là 13%, phản ánh lập trường thận trọng trong bối cảnh điều kiện vĩ mô không thuận lợi.

Tăng trưởng tiền gửi cải thiện lên khoảng 3% tính đến cuối tháng 5 sau khi chỉ tăng 0,6% kể từ đầu năm trong Q1/2026. VCB cho rằng tăng trưởng tiền gửi thấp là vấn đề chung của toàn hệ thống. Mặc dù điều kiện huy động thắt chặt hơn, VCB vẫn hưởng lợi từ uy tín thương hiệu mạnh và chi phí huy động thấp hơn so với các NHTM quy mô nhỏ hơn.

VCB kỳ vọng tỷ lệ NIM cả năm duy trì ở mức khoảng 2,9%, tương đương mức Q1/2026. Chi phí huy động có thể tăng nhẹ nhưng sẽ được bù đắp một phần nhờ lợi suất cho vay cải thiện và lợi thế huy động vốn của VCB.

Đối với dự phòng, kế hoạch trích lập dự phòng cả năm ở mức khoảng 3-3,5 nghìn tỷ đồng, gần như đi ngang so với cùng kỳ, mặc dù VCB có thể trích lập nhiều hơn nếu quy định cho phép nhằm xây dựng bộ đệm cho chất lượng tài sản trong điều kiện khó khăn hơn.

Kế hoạch tăng trưởng LNTT cả năm vẫn ở mức khoảng 5%, mặc dù đã tăng trưởng 10% trong Q1/2026, chủ yếu phản ánh lập trường trích lập dự phòng thận trọng của Ngân hàng.

Quan điểm về điều kiện vĩ mô và lãi suất

VCB kỳ vọng thanh khoản hệ thống sẽ tiếp tục thắt chặt, do tăng trưởng tiền gửi tiếp tục theo sau tăng trưởng tín dụng trên toàn hệ thống. NHNN đã hỗ trợ thông qua việc bơm thanh khoản, hạ tỷ lệ dự trữ bắt buộc cho một số ngân hàng nhất định, tiền gửi KBNN và thị trường OMO. Tuy nhiên, cạnh tranh huy động nhiều khả năng vẫn gay gắt, đặc biệt là đối với các ngân hàng nhỏ hơn có nền tảng huy động tiền gửi yếu hơn.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/6.

(Xem tiếp trang 2)

Thảo luận về các nội dung khác trong HĐKD của VCB

Chiến lược tín dụng:

- VCB sẽ không nói lỏng các tiêu chuẩn thẩm định/cấp tín dụng để theo đuổi tăng trưởng. Ngân hàng sẽ tiếp tục tập trung vào các phân khúc an toàn và theo định hướng chính sách, bao gồm FDI, hạ tầng, KCN, nhà ở xã hội và nhà ở giá hợp lý và các khách hàng có dòng tiền mạnh.
- Ngân hàng vẫn tự chủ trong các quyết định cấp tín dụng, kể cả đối với các dự án thuộc diện ưu tiên chính sách, và có thể từ chối các khoản vay mà Ngân hàng đánh giá là quá rủi ro.
- VCB thừa nhận rủi ro tập trung từ việc cho vay các dự án hạ tầng lớn và các tập đoàn. Ngân hàng quản trị rủi ro này thông qua việc thiết lập các hạn mức nhằm tránh dư nợ quá lớn đối với một nhóm khách hàng cụ thể.

Rủi ro tín dụng BĐS:

- VCB áp dụng cách tiếp cận theo phân khúc đối với hoạt động cho vay BĐS. Phân khúc BĐS cao cấp và mang tính đầu cơ được đánh giá là rủi ro do giá bất động sản tăng mạnh và lãi suất cao.
- Nhà ở giá rẻ, nhà ở có nhu cầu thực, nhà ở cho thuê và bất động sản KCN được đánh giá tích cực hơn, đặc biệt là BĐS KCN được hỗ trợ bởi nhu cầu từ dòng vốn FDI.
- Đối với các dự án BT, VCB lưu ý rằng việc đánh giá rủi ro phức tạp hơn do bên vay có thể là doanh nghiệp phát triển hạ tầng nhưng đổi lại đất. Ngân hàng sẽ đánh giá các khoản vay này dựa trên bản chất dự án, dòng tiền, mục đích sử dụng đất và các yêu cầu về chính sách.

Chất lượng tài sản và nợ xấu:

- VCB đánh giá áp lực lên chất lượng tài sản từ xu hướng tăng của lãi suất vẫn trong tầm kiểm soát ở giai đoạn này nhờ công tác thẩm định/cấp tín dụng thận trọng và kỷ luật về nhận tài sản đảm bảo.
- Về rủi ro giải phóng mặt bằng, VCB gần đây đã rà soát các khoản vay có khả năng bị ảnh hưởng bởi các vấn đề quy hoạch. Danh mục bị ảnh hưởng có quy mô nhỏ, rủi ro trực tiếp đối với chất lượng tài sản của Ngân hàng là hạn chế.

Ngoại hối và cho vay USD:

- Đối với ngoại hối, VCB lưu ý rằng thu nhập từ HĐ kinh doanh ngoại hối suy yếu trong Q1/2026 do chênh lệch giữa tỷ giá thị trường và tỷ giá trần do NHNN ấn định thu hẹp. Ngân hàng đánh giá tỷ giá có thể sẽ chịu áp lực vào cuối năm nhưng tin rằng NHNN có đủ công cụ để kiểm soát biến động tỷ giá.
- Nhu cầu vay USD đã tăng lên khi lãi suất đồng VND tăng nhanh hơn lãi suất đồng USD. VCB chỉ cho vay đối với các khách hàng đủ điều kiện có nguồn thu USD hoặc có nhu cầu nhập khẩu/dự án hợp lệ.

Nguồn vốn và hệ số CAR:

- Hệ số CAR của VCB ở mức khoảng 11%, thấp hơn mục tiêu 13-14%. Việc kế hoạch phát hành riêng lẻ, VCB kỳ vọng sẽ hoàn thành vào cuối năm, sẽ giúp củng cố nền vốn và hỗ trợ dư địa tăng trưởng trong dài hạn.

Mở rộng hệ sinh thái:

- VCB lên kế hoạch ra mắt dịch vụ ngân hàng ưu tiên (private banking) trong nửa cuối năm 2026.
- Ngân hàng có thể thành lập một công ty bảo hiểm phi nhân thọ trong năm tới. Những sáng kiến này sẽ giúp đa dạng hóa thu nhập phí trong dài hạn, mặc dù đóng góp vào lợi nhuận trong ngắn hạn có thể vẫn hạn chế.

HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu

Nhìn chung, quan điểm của VCB tương đồng với quan điểm của chúng tôi bất chấp kế hoạch lợi nhuận thận trọng. HSC duy trì khuyến nghị Mua vào và giá mục tiêu.

BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Thu nhập lãi	93.7	105	138	163	188
Chi phí lãi	(38.2)	(46.4)	(66.1)	(78.9)	(88.3)
Thu nhập lãi thuần	55.4	58.7	72.3	83.7	99.2
Lãi thuần HĐ dịch vụ	5.14	3.47	4.01	4.97	6.12
Lãi thuần HĐ KDNH	5.29	6.17	6.94	8.28	10.1
Lãi/lỗ từ mua bán CK	0.07	0.17	0.05	0.08	0.10
Thu nhập từ góp vốn, mua cp	0.31	0.28	0.29	0.29	0.29
Thu nhập khác	2.37	3.59	3.16	2.67	3.10
Tổng thu nhập HĐ	68.6	72.4	86.7	100.0	119
Chi phí HĐ	(23.0)	(25.2)	(29.5)	(33.7)	(38.0)
LN trước dự phòng	45.6	47.2	57.2	66.3	81.0
Chi phí dự phòng	(3.31)	(3.19)	(7.65)	(8.58)	(9.60)
Lãi/lỗ từ Cty LD,LK	-	-	-	-	-
LNTT	42.2	44.0	49.5	57.7	71.4
Chi phí thuế TNDN	(8.38)	(8.82)	(9.89)	(11.5)	(14.3)
Lợi ích cổ đông thiểu số	(0.02)	(0.02)	(0.02)	(0.02)	(0.03)
Lợi nhuận thuần	33.8	35.2	39.6	46.2	57.1
EPS (đồng)	4,049	4,210	4,594	5,187	6,413
DPS (đồng)	0	450	484	820	954
Slg CP bình quân (triệu đv)	8,356	8,356	8,627	8,899	8,899
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	8,356	8,356	8,899	8,899	8,899

Bảng cân đối kế toán (nghìn tỷ đồng)	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Tài sản					
Tiền & tương đương tiền	14.3	15.5	17.3	20.4	24.2
Tiền gửi tại NHNN	49.3	37.4	38.3	56.7	67.2
Tiền gửi tại các TCTD khác	389	522	661	501	594
Chứng khoán kinh doanh	4.58	11.5	9.98	7.04	8.30
Các công cụ tài chính phái sinh	1.31	0.37	0.40	0.40	0.40
Số dư cho vay thuần	1,418	1,649	1,872	2,175	2,527
Tổng dư nợ cho vay	1,449	1,674	1,909	2,216	2,571
Dự phòng rủi ro	(31.2)	(25.0)	(36.8)	(40.5)	(44.5)
Chứng khoán đầu tư	167	162	190	228	268
CK đầu tư sẵn sàng để bán	86.8	143	160	188	221
CK đầu tư giữ đến ngày đáo hạn	80.8	22.4	30.0	39.9	47.0
Dự phòng rủi ro	(0.25)	(3.36)	(0.15)	(0.17)	(0.19)
Đầu tư dài hạn	2.23	2.26	3.51	3.51	3.51
Tài sản cố định	8.09	8.23	8.43	8.93	9.43
Tài sản khác	30.9	34.0	36.1	48.5	56.2
Tổng tài sản	2,085	2,442	2,837	3,050	3,558
Nợ phải trả	1,886	2,214	2,541	2,719	3,183
Tiền gửi của NHNN	78.2	160	208	0.89	1.03
Tiền gửi của các TCTD khác	235	321	374	400	438
Tổng tiền gửi KH	1,515	1,673	1,884	2,235	2,646
Trái phiếu và CCTG	24.1	27.1	32.6	34.0	40.3
Nợ khác	34.8	33.5	42.2	48.9	56.7
Vốn chủ sở hữu	199	227	296	331	375
Vốn điều lệ	55.9	83.6	89.0	89.0	89.0
Thặng dư vốn cổ phần	5.00	5.00	37.6	37.6	37.6
Lợi nhuận giữ lại	111	102	121	150	187
Quỹ & vốn khác của CSH	27.3	36.9	48.1	54.1	61.0
Lợi ích cổ đông thiểu số	0.10	0.07	0.08	0.08	0.08
Tổng nợ phải trả và vốn CSH	2,085	2,442	2,837	3,050	3,558
BVPS (đồng)	23,799	27,223	33,213	37,166	42,111

Chỉ số tăng trưởng, hiệu quả & định giá	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số tăng trưởng					
Tăng trưởng tổng TS (%)	13.4	17.1	16.2	7.51	16.7
Tăng trưởng cho vay KH (%)	14.1	15.5	14.1	16.1	16.1
Tăng trưởng huy động KH (%)	8.52	10.4	12.7	18.6	18.4
Tăng trưởng tiền gửi và CCTG (%)	8.70	10.5	12.8	18.4	18.4
Tăng trưởng VCSH (%)	20.6	14.4	29.9	11.9	13.3
Tăng trưởng thu nhập lãi thuần (%)	3.33	5.90	23.1	15.8	18.6
Tăng/giảm chi phí hoạt động (%)	5.08	9.23	17.3	14.1	12.8
Tăng trưởng LN trước dự phòng (%)	(0.56)	3.63	21.2	15.9	22.1
Tăng trưởng LNTT (%)	2.41	4.22	12.5	16.5	23.6
Tăng trưởng LN thuần (%)	2.42	3.98	12.7	16.5	23.6

Chỉ số hiệu quả					
Tổng TN HĐ/Tổng TS BQ (%)	3.49	3.20	3.28	3.40	3.60
Chi phí/Tổng TS bình quân (%)	(1.17)	(1.11)	(1.12)	(1.14)	(1.15)
TS sinh lãi BQ/tổng TS BQ (%)	98.8	98.7	98.8	98.8	98.6
Tổng TN HĐ/nhân viên (tỷ đồng)	2.82	3.08	3.66	4.06	4.47
LN thuần/CN, Phòng GD (tỷ đồng)	52.3	54.4	61.0	68.9	83.9

Chỉ số định giá					
P/E (lần)	15.4	14.8	13.5	12.0	9.70
P/B (lần)	2.61	2.28	1.87	1.67	1.48
Lợi suất cổ tức (%)	0	0.72	0.78	1.32	1.53

Chỉ số lợi nhuận & chỉ số khác	12-24A	12-25A	12-26F	12-27F	12-28F
Chỉ số lợi nhuận					
TN thuần/Tổng TN HĐ (%)	49.3	48.6	45.7	46.2	48.0
ROAA (%)	1.72	1.55	1.50	1.57	1.73
ROAE (%)	18.6	16.5	15.2	14.7	16.2
Chi phí huy động BQ (%)	2.20	2.30	2.82	3.05	3.05
Lợi suất góp BQ (%)	4.83	4.70	5.30	5.59	5.76
Lợi suất thuần (%)	2.63	2.40	2.48	2.54	2.71
Tỷ lệ NIM (%)	2.86	2.63	2.77	2.88	3.05
TN lãi thuần/Tổng TN HĐ (%)	7.49	4.80	4.62	4.97	5.15
Lãi thuần HĐ DV/Tổng TN HĐ (%)	80.8	81.1	83.3	83.7	83.4
TN ngoài lãi khác/Tổng TN HĐ (%)	11.7	14.1	12.0	11.3	11.4
Tỷ lệ CIR (%)	33.6	34.8	34.0	33.7	31.9
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	0	10.7	10.5	15.8	14.9

Chỉ số an toàn vốn					
Hệ số CAR (%)	12.2	11.3	12.5	12.4	12.1
VCSH/Tổng TS (%)	9.54	9.31	10.4	10.8	10.5
Đòn bẩy vốn (lần)	10.5	10.7	9.60	9.22	9.49

Chỉ số chất lượng tài sản					
Tỷ lệ nợ xấu (%)	0.96	0.58	0.90	0.90	0.90
Hệ số LLR (%)	223	259	214	203	192

Chỉ số thanh khoản					
Hệ số LDR (%)	95.7	100	101	99.1	97.2
Vay liên NH/ Tổng huy động (%)	13.2	15.9	16.3	15.0	14.0
Dư nợ cho vay/ Tổng TS (%)	69.5	68.5	67.3	72.6	72.3

Quy mô					
Số chi nhánh, phòng GD	647	647	650	670	680
Số lượng nhân viên	24,306	23,457	23,692	24,640	26,611

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2025.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

Nhằm đảm bảo sự tách biệt và tính độc lập giữa chuyên viên phân tích và nhân viên của bộ phận tự doanh, HSC có thể có hoặc không có vị thế tự doanh đối với bất kỳ chứng khoán nào được đề cập trong báo cáo này. Nhân viên của bộ phận tự doanh của HSC có thể tham khảo gợi ý của bộ phận nghiên cứu khi mua hoặc bán các vị thế tự doanh hoặc các vị thế do các quỹ của HSC quản lý nắm giữ. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên viên phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch trái ngược với ý kiến tư vấn. Theo chính sách giao dịch cá nhân, nhân viên của HSC cũng có thể có lợi ích tài chính đối với các chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ liên quan. HSC cũng có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 2, 3, 5, 6, 7, 11 & 12 Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Phường Bến Thành, TP HCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn